

Bản án số: 10/2019/HS-ST
Ngày 25/4/2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Đức Trường và ông Hoàng Bá Thị.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Ông Trần Minh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2019/TLST- HS ngày 29 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2019 đối với Bị cáo :

Họ và tên: **SÙNG A T** (tên gọi khác: Không);

Sinh ngày 14 tháng 6 năm 1977;

Hộ khẩu thường trú, chỗ ở: Khu M, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Mông;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Sùng A D, sinh năm: 1962 và bà: Hồ Thị C, sinh năm 1963;

Vợ: Chảo Thị M, sinh năm 1978; Con: 04 con (lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2003).

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 20/12/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ (có mặt).

- *Người bào chữa cho Bị cáo:* Ông Lã Thành C – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của Bị cáo:

Khoảng 15 giờ, ngày 15/12/2018 Sùng A T đang ở nhà thì nhận được điện thoại của một người nam thanh niên (T có quen biết người này từ trước nhưng không biết tên, tuổi, địa chỉ ở đâu) hỏi mua 3.000.000 đồng ma túy (Thuốc phiện). T đồng ý và hẹn sẽ trao đổi lại sau. Chiều cùng ngày, T bắt xe ô tô khách đi lên huyện V, tỉnh Yên Bái mua được của một người phụ nữ tên là X 01 gói Thuốc phiện với giá 1.400.000 đồng ở xã S, huyện V rồi đi về.

Khoảng 16 giờ, ngày 16/12/2018 người thanh niên đã hỏi mua Thuốc phiện của T đã mượn điện thoại của anh Hà Văn H, sinh năm 1982, trú tại: xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ điện thoại cho T hỏi “có hàng chưa?”, T bảo lại “có”, rồi hẹn nhau khoảng 1 tiếng sau giao hàng tại “chỗ có mấy lán trại” gần đường QL 32 thuộc khu Q, xã T, huyện T. Sau đó, T đi bộ đến nơi đã hẹn và gặp người nam thanh niên đã đặt mua Thuốc phiện của T. Trong lúc T lấy gói Thuốc phiện đã mua ngày 15/12/2018 để đưa cho người thanh niên và người thanh niên đang đếm tiền đưa cho T thì Tổ công tác của Công an huyện T phát hiện, kiểm tra.

Quá trình kiểm tra, người nam thanh đã bỏ chạy và để rơi số tiền 250.000 đồng tại vị trí người nam thanh niên và T đang đứng. Tổ công tác thu giữ tại tay trái của Sùng A T đang cầm 01 gói nilon trong suốt, bên trong có gói nilon màu đen, bên trong có chứa chất dẻo màu nâu đen và thu giữ 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia mặt trước, mặt sau đều màu đen đỏ đã cũ. T khai gói nilon chứa chất dẻo màu nâu đen là Thuốc phiện T đang định bán cho nam thanh niên vừa bỏ chạy với giá 3.000.000 đồng; chiếc điện thoại là của T đã dùng để trao đổi bán ma túy; còn số tiền 250.000 đồng là một phần của số tiền nam thanh niên đang định trả cho T để mua gói Thuốc phiện.

Trong quá trình Điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay, Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

2. Về các vấn đề khác của vụ án:

Ngày 17/12/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Sùng A T và của Vàng Thị X. Quá trình khám xét không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Ngày 17/12/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành trưng cầu giám định đối với chất dẻo màu nâu đen thu giữ được của T. Tại bản kết luận giám định số: 86/KLGĐ ngày 20/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ đã kết luận:

“Mẫu chất dẻo màu nâu đen chứa trong 01 gói nilon màu đen gửi đến giám định là ma túy; có khối lượng là: 2,748 gam, loại: Thuốc phiện. Thuốc phiện và các chế phẩm từ Thuốc phiện là chất ma túy nằm trong Danh mục II, số thứ tự 398, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ”.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên, Bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận giám định nêu trên.

Ngày 20/12/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố Bị can và lệnh bắt Bị can để tạm giam đối với Sùng A T về tội: *“Mua bán trái phép chất ma túy”* theo Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 (dưới đây viết tắt là BLHS năm 2015).

Đối với người nam thanh niên mua ma túy của T, qua quá trình điều tra, xác minh theo lời khai của T và người liên quan xác định được người này tên là Tuấn nhưng không xác định được nhân thân, đặc điểm như T đã khai báo nên chưa có căn cứ để xử lý.

Đối với Vàng Thị X, người mà T khai báo đã mua Ma túy để bán, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xác minh nhiều lần nhưng X hiện không có mặt tại địa phương. Chính quyền địa phương và người nhà X không biết hiện nay X đi đâu, làm gì nên không đủ căn cứ để xử lý trong vụ án. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã giao cho lực lượng trình sát ma túy tiếp tục xác minh nếu làm việc được với X và có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với chiếc điện thoại di động màn hình đen trắng đã cũ là tài sản của anh Hà Văn H cho người thanh niên tên T mượn, anh H không biết việc T sử dụng để liên lạc mua bán ma túy với T. Tuấn đã cầm theo điện thoại khi bỏ chạy nên cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được. Do giá trị chiếc điện thoại không cao, anh H có thể làm lại được sim nên không có đề nghị lấy lại nên không đề cầm xử lý.

3. Về trích dẫn Cáo trạng của Viện kiểm sát:

- Tại Bản cáo trạng số 07/CT-VKS- TS ngày 27/3/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã truy tố Bị cáo Sùng A T về tội *“Mua*

bán trái phép chất ma túy” theo Khoản 1 Điều 251 của BLHS năm 2015.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng Khoản 1 Điều 251; Điều 38; Điểm s Khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015.

+ Xử phạt Bị cáo Sùng A T từ 24 đến 30 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 20 tháng 12 năm 2018).

+ Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điểm a Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

➤ Tịch thu để tiêu hủy 1,565 gam ma túy được hoàn trả sau giám định hiện niêm phong trong 01 bì giấy số 86/KLGĐ ngày 20/12/2018 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ vì là vật cấm lưu hành.

➤ Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia mặt trước, sau đều màu đen đỏ đã qua sử dụng (không kiểm tra chất lượng bên trong), thu giữ của T, đây là phương tiện T sử dụng trong việc giao dịch mua bán trái phép chất ma túy, do vậy cần phải tịch thu bán sung quỹ Nhà nước.

➤ Đối với số tiền 250.000đ, là tiền sử dụng giao dịch mua bán ma túy, cần phải tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+ Về án phí: Bị cáo T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, Bị cáo, không ai có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

4. Phát biểu của Người bào chữa:

Người bào chữa cho Bị cáo Sùng A T nhất trí với bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã truy tố đối với Bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015, xử Bị cáo hình phạt ở mức thấp theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt, cho Bị cáo mức án thấp nhất để Bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, tỉnh Phú

Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội.

Tại phiên tòa hôm nay Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản Cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung Cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai.

Lời khai nhận của Bị cáo thống nhất, phù hợp với Biên bản sự việc, Biên bản khám xét và Biên bản niêm phong vật chứng, đồng thời phù hợp với lời khai của Người chứng kiến cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 16/12/2018, tại khu Quẽ, xã Thu Cúc, huyện T, tỉnh Phú Thọ, Sùng A T có hành vi bán trái phép cho người tên T chất ma túy loại Thuốc phiện có khối lượng 2,748 gam.

Thuốc phiện là chất ma túy thuộc số thứ tự 398 của Danh mục II các chất ma túy được dùng hạn chế trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, điều tra tội phạm hoặc trong lĩnh vực y tế theo quy định của cơ quan có thẩm quyền được quy định tại Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính Phủ.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định hành vi của Bị cáo Sùng A T đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 của BLHS năm 2015.

Khoản 1 Điều 251 quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.”

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:* Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến chế độ độc quyền về quản lý các chất Ma túy của Nhà nước là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Mặt khác, Ma túy là chất gây nghiện, nó đầu độc hệ thần kinh con người, hủy hoại giống nòi, người nghiện ma túy có thể dẫn đến các hành vi phạm tội khác như: Trộm cắp, Cướp tài sản, Giết người....Do đó, hành vi của Bị

cáo cần bị xử lý nghiêm khắc nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

- *Về nhân thân*: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Là người dân tộc thiểu số sinh ra và lớn lên ở khu vực kinh tế đặc biệt khó khăn; không được học hành do đó nhận thức về pháp luật còn hạn chế.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định của Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay Bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải. Do đó, Bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.

Từ các nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của Bị cáo là nghiêm trọng, chỉ vì mục đích lợi nhuận, Bị cáo đã bất chấp hậu quả xấu gây ra cho xã hội, cố ý thực hiện tội phạm. Do vậy, cần áp dụng Điều 38 của BLHS năm 2015, xử phạt Bị cáo hình phạt tù có thời hạn là phù hợp. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh sống, nhân thân của Bị cáo để quyết định hình phạt, cho Bị cáo hình phạt ở mức khởi điểm của khung hình phạt mà điều luật quy định và là mức thấp theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp và cũng thể hiện tính nhân đạo của pháp luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 251 BLHS năm 2015 thì "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*".

Tại biên bản xác minh ngày 14/01/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ đã xác định: Bị cáo hiện không có nghề nghiệp, không có tài sản gì có giá trị, đang sống phụ thuộc vào gia đình. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo là phù hợp.

[4] Đối với người có tên là T đã mua Ma túy của T, qua quá trình điều tra, xác minh nhưng không xác định được người có nhân thân, đặc điểm như T đã khai báo nên chưa có căn cứ để xử lý là phù hợp;

Đối với Vàng Thị X, người mà T khai báo đã mua Ma túy để bán, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xác minh nhiều lần nhưng X hiện không có mặt tại địa phương. Chính quyền địa phương và người nhà X không biết hiện nay X đi đâu, làm gì nên không đủ căn cứ để xử lý trong vụ án. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã giao cho lực lượng trinh sát ma túy tiếp tục xác minh nếu làm việc được với X và có đủ căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Đối với chiếc điện thoại di động Hà Văn H đã cho người thanh niên tên T mượn, anh H không biết việc Tuấn sử dụng để liên lạc mua bán ma túy với T và T đã cầm theo điện thoại khi bỏ chạy nên cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được. Nay anh H không có đề nghị lấy lại nên không đề cập xử lý.

[5] Về xử lý vật chứng:

Ma túy là vật cấm tàng trữ, lưu hành cần tịch thu, tiêu hủy;

Đối với 01 chiếc điện thoại di động thu giữ của Sùng A T, đây là phương tiện T sử dụng trong việc giao dịch mua bán ma túy, do vậy cần phải tịch thu, bán nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 250.000đ, là tiền sử dụng trong việc giao dịch, mua bán trái phép chất ma túy cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp.

Đề nghị của Kiểm sát viên, Người bào chữa cho Bị cáo tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận .

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ kết tội, tội danh:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 251; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Tuyên bố Bị cáo Sùng A T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Trách nhiệm hình sự, hình phạt:

- Xử phạt Bị cáo Sùng A T 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 20 tháng 12 năm 2018).

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo Sùng A T.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 250.000đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng).

- Tịch thu, bán nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, mặt trước màu đỏ đen, mặt sau màu đỏ đen, đã qua sử dụng thu của Sùng A T.

- Tịch thu, tiêu hủy 1,565 gam Ma túy cùng toàn bộ bao gói được niêm phong trong 01 bì giấy số 86/KLGĐ ngày 20/12/2018 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ.

Vật chứng đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T bàn giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện T ngày 02/4/2019.

4. *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Buộc Bị cáo Sùng A T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- CQ CSĐT Công an huyện;
- CQ THA dân sự huyện;
- Trại tạm giam;
- UBND nơi b/c thường trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Hồng Mai